

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Hồng Thạnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trịnh Ngọc Thành** và ông **Nguyễn Văn Hải**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Lương Thị Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2020, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2020 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Minh K**, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Tổ 8, Ấp PL, xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN.

2- Bị đơn: Chị **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Tổ 8, Ấp PL, xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN.

Chỗ ở hiện nay: Ấp BT1, xã TCC, TH, ĐT

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2020 và lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Minh K trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Trung, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/12/2015. Trong thời gian sống chung giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, xô xát nhau. Nguyên nhân do chị T

không làm tròn nghĩa vụ với gia đình. Chị T làm công nhân may, được nghỉ ngày chủ nhật, thời gian nghỉ ở nhà chị T không lo công việc trong gia đình mà dẫn con đi chơi cả ngày. Khi anh trách mắng thì vợ chồng cự cãi. Chị T dẫn 02 con đi khỏi nhà. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung với nhau nên anh K yêu cầu được ly hôn chị T.

Về con và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Kim N, sinh ngày 12/7/2016 và Nguyễn Thị Tố U, sinh ngày 29/12/2018. Do cháu U chưa đủ 03 tuổi nên anh đồng ý giao cho chị T nuôi dưỡng. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Lời khai chị T trong hồ sơ vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh K tự nguyện kết hôn năm 2015. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Trung, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Sau khi sinh con thì anh K chê chị xấu không còn yêu thương, tôn trọng chị. Vợ chồng có xảy ra xô xát nên chị đã đưa các con về quê sinh sống. Hiện nay chị không thuộc trường hợp đang có thai. Tình cảm vợ chồng không còn anh K yêu cầu ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu N, cháu U như anh K khai là đúng. Khi ly hôn chị đồng ý giao cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 12/7/2016 cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Tố U, sinh ngày 27/12/2018. Tạm thời không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Nợ chung: Không có.

Hiện nay chị đang sinh sống tại địa chỉ: Ấp BT1, xã TCC, huyện TH, tỉnh ĐT. Chị đồng ý việc Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai có thẩm quyền giải quyết vụ án theo yêu cầu của anh K.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của các đương sự tại địa phương và thông báo kết quả thu thập được tài liệu, chứng cứ gửi đến các đương sự. Tòa án đã triệu tập phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn không có ý kiến về các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được công khai. Bị đơn vắng mặt, Tòa án đã Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tổng đạt theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng theo quy định đối với một phiên tòa sơ thẩm.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự và

Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận cho anh Nguyễn Minh K được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc T; giao cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 12/7/2016 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thị Tố U, sinh ngày 29/12/2018 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu xem xét; về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quyền khởi kiện: Nguyên đơn có quyền khởi kiện vụ án vì chị T không thuộc trường hợp đang có thai, sinh con hoặc nuôi con dưới 12 tháng tuổi theo quy định tại khoản 3 Điều 51 Luật hôn Nhân và gia đình.

[1.2] Chị T có nơi cư trú tại xã Phú Trung, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai và hiện sinh sống tại Ấp BT1, xã TCC, huyện TH, tỉnh ĐT nhưng đồng ý việc Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai có thẩm quyền giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.3] Anh K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung chưa thành niên. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.4] Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Trên cơ sở lời khai của đương sự; tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập thể hiện: Trong thời gian sống chung giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hòa giải, hàn gắn; vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc yêu thương nhau. Anh K khởi kiện yêu cầu ly hôn, chị T biết và cũng đồng ý ly hôn, nhưng lại có đơn xin vắng mặt và thực tế chị T và anh K đều vắng mặt tại phiên tòa.

Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2.] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự có 02 (hai) con chung là Nguyễn Kim N, sinh ngày 12/7/2016 và Nguyễn Thị Tố U, sinh ngày 29/12/2018. Sau khi có quyết định xét xử, anh K thay đổi ý kiến đồng ý giao cháu U cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N. Chị T có lời khai đồng ý giao cháu N cho anh K nuôi dưỡng, chị yêu cầu được nuôi cháu U. Hiện nay cháu U chưa đủ 36 tháng tuổi. Xét ý kiến của các đương sự về việc nuôi con là thống nhất với nhau, các đương sự đều có đủ điều kiện để thực hiện việc nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Kim N cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng; chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Tố U. Tạm thời các bên không phải cấp dưỡng nuôi con do cả hai bên không yêu cầu, khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[2.3.] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 Điều 227; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Minh K.

1.1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh K được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc T.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 12/7/2016 cho anh K trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Nguyễn Thị Tố U, sinh ngày 29/12/2018 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây cản trở. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Minh K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 006324 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai sẽ chuyển thành án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã Phú Trung (Đăng ký kết hôn số 90, ngày 08/12/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Thạnh

